

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 245/CCPTNT-KTHT

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 7 năm 2020

V/v xây dựng chiến lược phát triển kinh
tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp
giai đoạn 2021-2030

Kính gửi:

- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT
- Sở Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện Văn bản số 1432/SNN-KHTC ngày 02/7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu xây dựng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 như sau:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTXNN GIAI ĐOẠN 2011-2020 (chi tiết tại phụ lục 01)

1. Về hợp tác xã nông nghiệp

- Tổng số hợp tác xã trên địa bàn toàn tỉnh ước tính đến 31/12/2020 là 345 hợp tác xã (tăng 203 hợp tác xã so với năm 2011), tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 20 hợp tác xã/năm. Hiện có 289 hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012; trong đó có 72 hợp tác xã thực hiện việc tổ chức lại, đăng ký lại; 242 hợp tác xã thành lập mới; giải thể 25 hợp tác xã;

- Số thành viên hợp tác xã dự kiến đến 31/12/2020 là 20.800 thành viên, bình quân một hợp tác xã có 60 thành viên, trong đó chủ yếu thành viên là đại diện hộ gia đình.

- Năm 2020 dự kiến có 230 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tăng 199 hợp tác xã so với năm 2011. Trong giai đoạn 2011-2020, các hợp tác xã đã cơ bản hoàn thành việc tổ chức lại, đăng ký lại hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012; hợp tác xã có quy mô nhỏ hoạt động không hiệu quả đã được chuyển sang hoạt động theo mô hình tổ hợp tác; số hợp tác xã được thành lập mới tăng. Một số hợp tác xã nhanh chóng thích ứng với cơ chế thị trường, tạo sự liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã với nhau và với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mang lại hiệu quả kinh tế cao cho thành viên, nổi bật là nhóm hợp tác xã mới thành lập theo Luật hợp tác xã năm

2012. Một số mô hình hợp tác xã phát huy hiệu quả hoạt động do ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho hợp tác xã và các thành viên, tiêu biểu như: Hợp tác xã Chè Hảo Đạt; Hợp tác xã Chè Tân Hương, Hợp tác xã Chè La Bằng, Hợp tác xã chè an toàn Khe Cốc; Hợp tác xã Chè Tuyệt Hương, Hợp tác xã Gà đồi Đông Thịnh, Hợp tác xã rau an toàn Đông Cao, Hợp tác xã rau củ quả an toàn Dương Thành...

- Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã năm 2020 là 1.557 người (tăng 842 người so với năm 2011. Trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ cấp nghề, trung cấp: 1.070 người, chiếm 68,94%; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên: 78 người, chiếm 5,02%; còn lại 404 người là cán bộ quản lý hợp tác xã mới qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, chiếm 26,03%.

Đến nay, các hợp tác xã đã từng bước được củng cố về công tác quản lý điều hành dịch vụ, hiệu quả hoạt động được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các hộ thành viên và hộ nông dân. Hợp tác xã vai trò quan trọng góp phần tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo, ổn định xã hội và là tổ chức không thể thiếu để phát triển hài hòa về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở nông thôn.

2. Về liên hiệp hợp tác xã

- Ước đến ngày 31/12/2020, toàn tỉnh có 02 Liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, tăng 02 liên hiệp so với năm 2011, với 19 hợp tác xã thành viên. Các liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp đóng vai trò là cầu nối giữa các hợp tác xã trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

3. Về tổ hợp tác:

- Ước tính đến ngày 31/12/2020, toàn tỉnh có 135 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, giảm 142 tổ hợp tác so với năm 2011. Doanh thu bình quân 01 tổ hợp tác năm 2020: 50 triệu đồng, lãi bình quân: 05 triệu đồng/THT/năm.

- Số thành viên tổ hợp tác ước đến 31/12/2020 là 917 thành viên (giảm 909 thành viên so với năm 2011).

Giai đoạn 2011-2020, số lượng tổ hợp tác trong nông nghiệp được hình thành và đăng ký hoạt động theo Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ không nhiều, ít có chính sách nhằm hỗ trợ khuyến khích phát triển các tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp. Các tổ hợp tác hoạt động còn đơn giản, quy mô nhỏ, tổ chức thiếu chặt chẽ... Tuy nhiên, ở những địa bàn có diện tích đất nông nghiệp nhỏ, chưa đủ điều kiện thành lập hợp tác xã thì đây là mô hình hợp tác hoạt động phù hợp.

II. KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

1. Khung khổ pháp lý và chính sách hỗ trợ hợp tác xã:

Thực hiện Luật HTX năm 2012; Kết luận 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về “Tiếp tục đổi

mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”; Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành Chỉ thị số 35- CT/TU ngày 27/5/2013 đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết TW5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành một số văn bản chỉ đạo và hướng dẫn:

1.1. Về việc triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012:

- Văn bản số 808/UBND- KTN ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc triển khai thi hành Luật Hợp tác xã.

- Văn bản số 1262/UBND-KTN ngày 26/4/2016 UBND tỉnh Thái Nguyên về tổ chức thực hiện việc đẩy mạnh việc phát triển hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Văn bản số 4509/UBND-CNN ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc xử lý dứt điểm hợp tác xã nông nghiệp yếu kém đã ngừng hoạt động lâu ngày.

- Văn bản số 100/SNN-KHTC ngày 22/1/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc chuyển đổi mô hình hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Văn bản số 3477/SNN-KHTC ngày 07/12/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc xử lý dứt điểm hợp tác xã nông nghiệp yếu kém đã ngừng hoạt động lâu ngày.

- Văn bản số 1294/SNN-KHTC ngày 26/5/2017 về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

1.2. Về ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp:

Chi cục Phát triển nông thôn đã tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở, Ngành trình UBND tỉnh ban hành nhiều chương trình, đề án để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh nói chung và kinh tế tập thể nói riêng:

- Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 9/6/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt đề án “Tiếp tục củng cố, phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015”.

- Quyết định 2223/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2020.

- Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 11/7/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ hợp tác xã

2.1. Giai đoạn 2011-2012

+ Về bồi dưỡng nguồn nhân lực: tổ chức 03 lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho 109 lượt người trong bộ máy quản lý điều hành của HTX nông nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ 254,5 triệu đồng.

+ Tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật cho thành viên và người lao động làm việc trực tiếp cho các hợp tác xã: tổ chức 50 lớp tập huấn cho 2.500 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện là 233,8 triệu đồng.

+ Về tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tập thể: tổ chức 62 lớp tuyên truyền cho trên 6.000 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện là 462,5 triệu đồng.

2.2. Giai đoạn 2013- 2014

+ Về bồi dưỡng nguồn nhân lực: tổ chức 06 lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho 280 lượt người trong bộ máy quản lý điều hành của HTX nông nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ 428,9 triệu đồng.

+ Tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật cho thành viên và người lao động làm việc trực tiếp cho các hợp tác xã: tổ chức 80 lớp tập huấn cho 4.080 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện là 473,9 triệu đồng.

+ Về tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tập thể: tổ chức 85 lớp tuyên truyền cho trên 8.000 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện là 787,6 triệu đồng.

2.2. Giai đoạn 2015- 2019

+ Về bồi dưỡng nguồn nhân lực: tổ chức 20 lớp tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn cho 915 lượt người trong bộ máy quản lý điều hành của HTX nông nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ 1.903,5 triệu đồng.

+ Tập huấn ứng dụng khoa học kỹ thuật cho thành viên và người lao động làm việc trực tiếp cho các hợp tác xã: tổ chức 138 lớp tập huấn cho 6.870 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện là 1.845,6 triệu đồng.

+ Về tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tập thể: tổ chức 350 lớp tuyên truyền cho trên 24.000 lượt người tham dự, kinh phí thực hiện là 2.400,3 triệu đồng.

3. Công tác quản lý nhà nước đối với Kinh tế tập thể, hợp tác xã:

- Công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp:

+ Đối với cấp tỉnh: Hiện nay, Chi cục Phát triển nông thôn là đơn vị tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố bố trí 01 công chức chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về kinh

tế tập thể; cán bộ đều có trình độ đại học và trên đại học, đa số cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc được giao.

+ Đối với cấp xã: hầu hết các xã chưa bố trí được công chức chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, chủ yếu là kiêm nhiệm.

Hiện nay, Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh cơ bản đã được kiện toàn nhưng chưa đủ mạnh để quản lý và hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển các HTX nông nghiệp nói riêng và lĩnh vực kinh tế tập thể trong nông nghiệp nói chung. Một số huyện, thành phố, thị xã chưa thực sự chú trọng trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn phù hợp làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể trong nông nghiệp; Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế tập thể trong nông nghiệp chưa được quan tâm trong việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, nghiệp vụ công tác cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp:

+ Công tác tổng hợp, báo cáo về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp gặp nhiều khó khăn: số liệu, thông tin các cơ quản lý nhà nước cấp huyện, xã báo cáo không đầy đủ, thiếu chính xác và không kịp thời; thiếu sự phối hợp trong thực hiện báo cáo về hợp tác xã của cơ quản lý nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 (Điều 24, 25) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: việc đánh giá, phân loại của các HTX gặp nhiều khó khăn như phương pháp đánh giá: các HTX nông nghiệp tự chấm điểm trong khi trình độ của độ ngũ cán bộ quản lý HTX nông nghiệp còn hạn chế, thiếu sự hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, tiêu chí đánh giá chưa phù hợp với thực trạng hoạt động của các HTX nông nghiệp dẫn đến chất lượng báo cáo đánh giá, phân loại HTX nông nghiệp chưa cao.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Kết quả đạt được

Các hợp tác xã từng bước được củng cố về công tác quản lý điều hành dịch vụ, hiệu quả hoạt động được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các hộ thành viên và hộ nông dân. Một số HTX đã tập trung vào việc phát triển dịch vụ mới. Thông qua hợp tác xã, các hộ thành viên và hộ nông dân có điều kiện tham gia và được sự hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội ... đã có tác động tích cực hỗ trợ hộ thành viên và hộ nông dân phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo. Một số hợp tác xã đã thực hiện các hoạt động liên kết trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bước đầu có kết quả tốt.

Trong giai đoạn 2011-2020, hợp tác xã có những đóng góp quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển, đặc biệt là ở khu vực ở nông thôn. Nhiều hợp tác xã đã mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất, máy móc vào cơ giới hóa trong sản xuất, tạo ra sản phẩm có giá trị, có thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc thực hiện chuyển đổi tổ chức và hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã năm 2012 còn hạn chế: có địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt trong việc giải thể, tổ chức lại theo luật hợp tác xã năm 2012, còn một số hợp tác xã nông nghiệp hoạt động mang tính hình thức, tổ chức đăng ký lại theo Luật nhưng hoạt động chưa đúng với bản chất của Luật; thành viên góp vốn điều lệ thấp.

- Một số hợp tác xã có quy mô thành viên lớn nhưng sự liên kết giữa các thành viên lỏng lẻo, thiếu quan tâm đến sự phát triển của hợp tác xã. Vai trò hỗ trợ thành viên của hợp tác xã chưa được phát huy, lợi ích mang lại cho thành viên còn rất hạn chế.

- Hoạt động liên kết và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã còn bộc lộ nhiều bất cập như: hợp đồng tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ký kết chưa được chặt chẽ, còn tình trạng phá vỡ hợp đồng; tỷ lệ bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng liên kết thấp. Vai trò cầu nối của hợp tác xã trong việc thực hiện các chương trình, dự án còn yếu.

- Số lượng hợp tác xã thành lập mới tuy nhiều nhưng chất lượng hoạt động của các hợp tác xã chủ yếu ở mức trung bình, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chưa hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

3. Nguyên nhân

3.1. Về pháp luật, cơ chế, chính sách

Một số chính sách hỗ trợ hợp tác xã của Nhà nước chậm được cụ thể hóa, thiếu đồng bộ, thiếu nguồn vốn để thực hiện, một số chính sách khó áp dụng (đất đai, tín dụng, chính sách thu hút nguồn nhân lực...);

Một số chương trình, dự án hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, củng cố, mở rộng sản xuất kinh doanh chưa đạt hiệu quả như mục tiêu đề ra.

3.2. Về bản thân hợp tác xã:

Nội lực của hợp tác xã nông nghiệp, thành viên hợp tác xã có xuất phát điểm thấp, cơ sở vật chất, kỹ thuật lạc hậu. Năng lực, trình độ của đội ngũ quản lý hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Tư duy phát triển sản xuất kinh doanh chưa theo kịp với sự phát triển của cơ chế thị trường, thiếu tính nhạy bén và năng động trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh...

3.3. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tư tưởng, nhận thức của một bộ phận cán bộ ở địa phương, kể cả cán bộ lãnh đạo chưa hiểu được bản chất của mô hình hợp tác xã kiểu mới cũng như những cách làm mới để phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp;

chưa thực sự tin vào kết quả của việc khắc phục tình trạng yếu kém của hợp tác xã Do vậy chưa phát huy được vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, quản lý và hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong các hoạt động của các Hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012 chưa được các địa phương quan tâm thực hiện đúng mức.

- Thiếu nguồn lực để thực hiện các chính sách hỗ trợ một cách đồng bộ và hiệu quả.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 -2030

I. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phong trào xây dựng nông thôn mới trên cơ sở nhu cầu thực tế, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, lấy lợi ích của tập thể làm động lực phát triển.

- Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên cơ sở phát huy nội lực; kết hợp huy động mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư hỗ trợ của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp nhằm nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong việc đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ để thành lập mới bình quân mỗi năm từ 50 tổ hợp tác; 20 hợp tác xã; 01 liên hiệp hợp tác xã trở lên.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các hợp tác xã phát triển, phấn đấu có trên 90% hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả (tốt, khá). Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 10%/năm. Doanh thu của hợp tác xã tăng bình quân 5%/năm, trong đó doanh thu của hợp tác xã với thành viên tăng bình quân đạt 10%/năm.

- Thực hiện việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để có trên 50 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu 100% hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao có liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Phối hợp với các địa phương giải quyết dứt điểm tình trạng hợp tác xã ngừng hoạt động, hợp tác xã chưa chuyển đổi theo luật theo hướng vận động giải thể tự nguyện đối với các hợp tác xã không còn khả năng khôi phục sản

xuất; tiến hành củng cố, chuyển đổi các hợp tác xã ngừng hoạt động lâu ngày nhưng thành viên hợp tác xã vẫn còn nhu cầu hợp tác, hợp tác xã vẫn còn khả năng khôi phục sản xuất.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2030

Chiến lược Phát triển Kinh tế tập thể, hợp tác xã đến năm 2030 là kim chỉ nam thống nhất cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, các cấp chính quyền trong phát triển kinh tế tập thể và trong huy động các nguồn lực đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo Nghị quyết của Đảng. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã bền vững là yêu cầu xuyên suốt Chiến lược, xuất phát từ nhu cầu của người dân, tổ chức tham gia. Phải tôn trọng giá trị, nguyên tắc hoạt động của các hợp tác xã phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển của từng địa phương và cả nước

1. Định hướng chung:

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã nông nghiệp là cầu nối giữa doanh nghiệp, nhà khoa học với nông dân.

- Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp phát triển có hiệu quả; góp phần hình thành chuỗi giá trị trong nông nghiệp gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những mô hình liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp-hợp tác xã-nông dân gắn với ứng dụng công nghệ cao.

2. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2021-2030:

- Xây dựng, phát triển hợp tác xã trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ, phát triển của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đặc lực cho kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xoá đói giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng.

- Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực, ở tất cả các địa phương; thu hút mọi giới, thành phần xã hội tham gia; bảo đảm quyền và lợi ích của thành viên tham gia hợp tác xã.

- Định hướng phát triển các hợp tác xã sản xuất kinh doanh gắn với sản phẩm chủ lực, tiềm năng nguyên liệu, lao động và thị trường tiêu thụ sản phẩm của từng địa phương cho phù hợp; tăng cường gắn kết giữa các hợp tác xã cùng ngành nghề,

giữa các hợp tác xã trong các ngành nghề khác nhau để tạo ra các liên hiệp hợp tác xã có đủ tiềm lực sản xuất, cung ứng sản phẩm với quy mô lớn.

- Tập trung xây dựng và phát triển các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chế biến sâu trong sản xuất, tạo ra sản phẩm nông nghiệp an toàn, có thương hiệu gắn với đề án Mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP) của tỉnh Thái Nguyên.

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Về tuyên truyền nâng cao nhận thức về Kinh tế tập thể

- Tiếp tục quán triệt các quan điểm về định hướng phát triển kinh tế tập thể theo Chỉ thị số 35- CT/TU ngày 27/5/2013 đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết TW5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể của Tỉnh ủy. Tuyên truyền về Luật hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; tham mưu xây dựng Chỉ thị của Ban thường vụ tỉnh ủy để triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/03/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về bản chất của kinh tế tập thể, hợp tác xã, nhất là về hợp tác xã kiểu mới. Khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định rõ kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

2. Về hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách

- Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và pháp luật có liên quan (đất đai, thuế, tín dụng...), kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững. Có phương án xử lý dứt điểm nợ đọng ở các hợp tác xã, tạo điều kiện giải thể các hợp tác xã kiểu cũ, yếu kém hoặc chuyển sang loại hình kinh tế khác.

- Triển khai kịp thời và có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, phát triển hợp tác xã nông nghiệp: hỗ trợ thành lập mới, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã, hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chính sách về tín dụng, chính sách về đất đai, hỗ trợ hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ giống, vốn kịp thời khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh ...

3. Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển hợp tác xã:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội, trong đó, xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, đặc biệt là người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế tập thể. Đưa phát triển kinh tế tập thể là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của các bộ, ngành, địa phương. Tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc vận động, giáo dục quần chúng, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và thực hiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể; Mặt trận tổ quốc Việt Nam cần xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động, phối hợp với các tổ chức thành viên trong việc phát triển kinh tế tập thể.

- Củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Kiện toàn ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã để thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt trong công tác chỉ đạo, phối hợp và điều hành.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012, xử lý vi phạm pháp luật hợp tác xã.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung cho cán bộ quản lý nhà nước, các lực lượng của tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh tham gia vào nhiệm vụ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả tham mưu cho các cấp chính quyền địa phương xây dựng, ban hành Kế hoạch, Đề án, Dự án và hướng dẫn tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nắm bắt tình hình hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn. Công tác thanh, kiểm tra hoạt động của các cấp và hợp tác xã. Kỹ năng tổng hợp báo cáo tình hình và đề xuất các giải pháp phát triển hợp tác xã. Kỹ năng vận động tuyên truyền.

4. Về đẩy mạnh chỉ đạo, thực hiện, xây dựng mô hình liên kết sản xuất trong các lĩnh vực; phối hợp xây dựng các vùng nguyên liệu, chuỗi giá trị

- Tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ các mô hình hợp tác xã nông nghiệp sản xuất gắn với chuỗi giá trị, đặc biệt là nguồn lực để ưu tiên cho các chính sách về hỗ trợ chế biến và liên kết tiêu thụ.

- Các huyện, thành phố, thị xã lựa chọn các sản phẩm chủ lực của địa phương để hỗ trợ phát triển liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

5. Tập trung, huy động các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp

- Hoàn thành các văn bản pháp lý và triển khai thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách của Nhà nước nhằm khuyến khích phát triển sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện lồng ghép, kết hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhằm thu hút các nguồn lực phát triển hợp tác xã.

- Xây dựng cơ chế phối hợp với ngân hàng và các tổ chức tín dụng nhằm cải thiện khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các hợp tác xã.

6. Tăng cường sự phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với các Sở, Ban, ngành, đoàn thể liên quan trong hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp.

- Xây dựng Chương trình, Kế hoạch liên ngành phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các Sở, Ban, Ngành của tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021-2030.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội phụ nữ... trong việc tuyên truyền, vận động tham gia phát triển hợp tác xã, xây dựng các hợp tác xã tiêu biểu, điển hình.

Trên đây là báo cáo Chiến lược phát triển Kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh. Chi cục Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, KTHT.

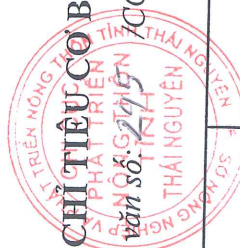


Dương Văn Toán

Phụ lục 1. CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011-2020

(Kèm theo Công văn số: 215/CCPTNT-KTHT ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Phát triển nông thôn)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm																	
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020								
I	Hợp tác xã (HTX)																			
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%																		
2	Tổng số HTX	HTX	142	154	161	165	176	175	210	266	316	345								
	<i>Trong đó:</i>																			
	Số HTX đang hoạt động	HTX	114	121	120	131	140	132	165	219	274	300								
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX	28	33	41	34	36	43	45	47	42	45								
	Số HTX thành lập mới	HTX	12	14	7	4	16	17	47	58	50	29								
	Số HTX giải thể	HTX	2	2			5	18	12	2										
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX	31	34	37	33	35	39	47	76	89	200								
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX																		
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên	20.898	21.066	21.110	21.255	19.154	19.891	20.800	20.647	20.441	20.800								
	<i>Trong đó:</i>																			
	Số thành viên mới	Thành viên	76	112	54	31	122	85	232	347	196	250								
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên	20.898	21.066	21.110	21.255	19.154	19.891	20.800	20.647	20.441	20.800								
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên																		
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên																		
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	244	286	385	426	397	415	441	424	463	400								
	<i>Trong đó:</i>																			
	Số lao động thường xuyên mới	Người																		



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện									
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
6	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	1.500	1.575	1.625	1.675	1.750	1.825	1.925	2.000	2.075	2.150
	<i>Trong đó:</i>											
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	1.050	1.103	1.138	1.173	1.225	1.278	1.348	1.400	1.453	1.505
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	225	236	244	251	263	274	289	300	311	323
II	Liên hiệp hợp tác xã (LH HTX)											
1	Tổng số LH HTX	LH HTX	3	4	5	6	7	8	9	10	12	15
	<i>Trong đó:</i>											
	Số LH HTX thành lập mới	LH HTX	1	1	1	1	1	1	1	1	2	3
	Số LH HTX giải thể	LH HTX										
	Số LH HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX	3	4	5	6	7	8	9	10	12	15
2	Tổng số HTX thành viên	HTX	30	35	40	45	50	55	60	65	80	100
3	Tổng số lao động trong LH HTX	Người	60	85	105	120	135	150	180	200	250	300
III	Tổ hợp tác (THT)											
1	Tổng số THT	THT	150	170	180	190	200	215	230	265	305	355
	<i>Trong đó:</i>											
	Số THT thành lập mới	THT	15	20	15	20	25	25	20	35	40	50
	Số THT có đăng ký thành lập	THT	150	170	180	190	200	215	230	265	305	355
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên	650	700	730	750	800	850	800	1.050	1.200	1.400

